

# Đánh giá tác động kinh tế của CBAM và những cân nhắc chính sách

Dự án Hỗ trợ kỹ thuật về Đánh giá tác động của Cơ chế điều chỉnh biên giới  
các-bon (CBAM) của Liên minh châu Âu (EU)

14/04/2023

# Các ngành chịu tác động của CBAM theo quy định của EU tại thời điểm 3/2023

*(Dữ liệu là trung bình của 5 năm từ 2017 đến 2021)*

- **Sắt & Thép (Thép): ~1,1 tỷ USD (12 % ) giá trị xuất khẩu vào EU**
- **Nhôm: ~ 48 triệu USD (7 %) giá trị xuất khẩu vào EU**
- **Phân bón: lượng xuất khẩu nhỏ (~0,2 triệu USD/năm xuất khẩu vào EU)**
- **Xi măng: ~ 12 triệu USD (1%) giá trị xuất khẩu vào EU**
- **Điện (không xuất khẩu)**
- **Hydrogen (dữ liệu không đáng kể – có thể do các hình thức thương mại không chính thống hoặc lỗi trong hệ thống dữ liệu)**

# Một số thông số chính

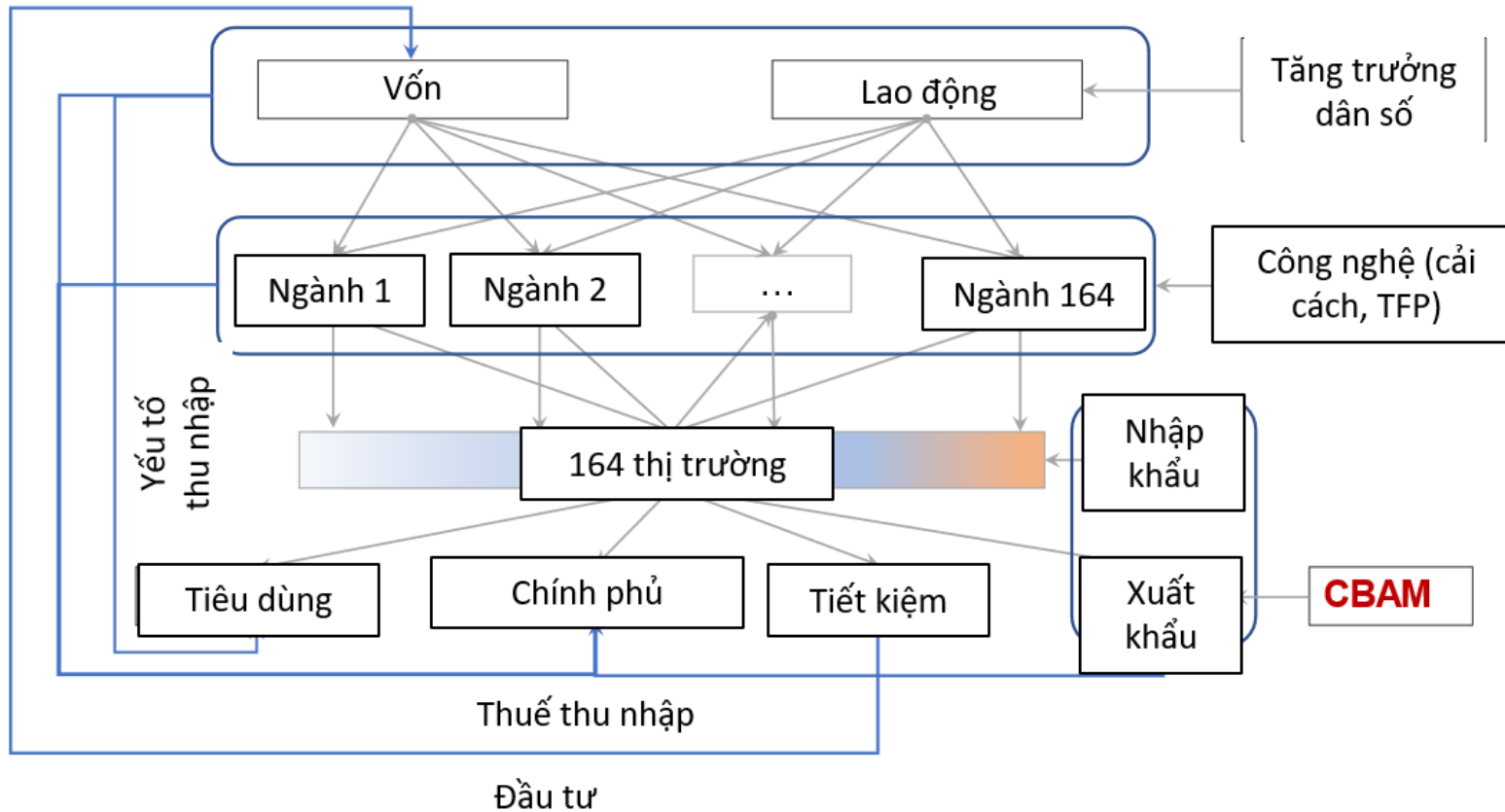
Giá ETS của EU ~65 USD /tCO<sub>2</sub> (quy đổi sang trị giá USD năm 2019 để dễ so sánh) với tỷ lệ tăng trưởng theo thập kỷ là 30%, tương ứng với kế hoạch loại bỏ dần hạn ngạch miễn phí trong các lĩnh vực công nghiệp của EU (theo công bố của Tòa án Kiểm toán châu Âu năm 2020)

Đơn vị: tCO <sub>2</sub> /tấn sản phẩm	Giá trị trung bình (khoảng giá trị) ước tính dựa trên hướng dẫn của Bộ Tài Nguyên Môi Trường	Trung bình thế giới
Thép (29)	1,78 (0,53 – 3,73)	1,8
Phân bón (15)	1,97 (1,19 – 6,20)	1,7-2,3
Xi măng (25)	0,76 (0,31 – 1,28)	0,5
Nhôm (13)	Số lượng mẫu nhỏ; 14,3 (theo một nghiên cứu trước đó)	16

# Những khó khăn trong việc phân tích định lượng và các giải pháp

Khó khăn	Giải pháp đã thực hiện
Các doanh nghiệp được khảo sát cung cấp thông tin không đầy đủ.	<ul style="list-style-type: none"><li>• Thu thập nhiều dữ liệu nhất có thể từ khảo sát</li><li>• Sử dụng các thông tin từ các tài liệu công bố (ưu tiên các tài liệu được bình duyệt)</li><li>• Xây dựng mô hình kinh tế dựa trên những dữ liệu đã có</li></ul>
Nhiều dữ liệu thứ cấp đã cũ, đôi khi không nhất quán và không tương thích	<ul style="list-style-type: none"><li>• Cập nhật và kiểm tra chéo dữ liệu</li><li>• Xây dựng mô hình dựa trên dữ liệu đã có</li></ul>
Việc thực hiện CBAM còn nhiều điều không chắc chắn và phản ứng của các quốc gia khác	<ul style="list-style-type: none"><li>• Khảo sát và tham vấn các bên liên quan,</li><li>• Ra soát các tài liệu.</li></ul>
Thiếu dữ liệu để ước tính các siêu tham số cho việc lập mô hình (ví dụ: độ co giãn của giá - mức độ phản ứng của người tiêu dùng và nhà sản xuất khi có thay đổi về giá)	<ul style="list-style-type: none"><li>• Ra soát tài liệu, hỏi tư vấn chuyên gia;</li><li>• Tính đến nhiều khả năng trong một phạm vi đủ rộng cho mỗi tham số để xây dựng khoảng tin cậy (confident interval) thay vì chỉ tính đến một khả năng cho mỗi tham số.</li></ul>

# Tác động toàn bộ nền kinh tế: Mô hình cân bằng tổng thể (CGE)



- Xét đến các tác động liên ngành
- Mô hình phức tạp
- Độ chi tiết mỗi ngành không cao

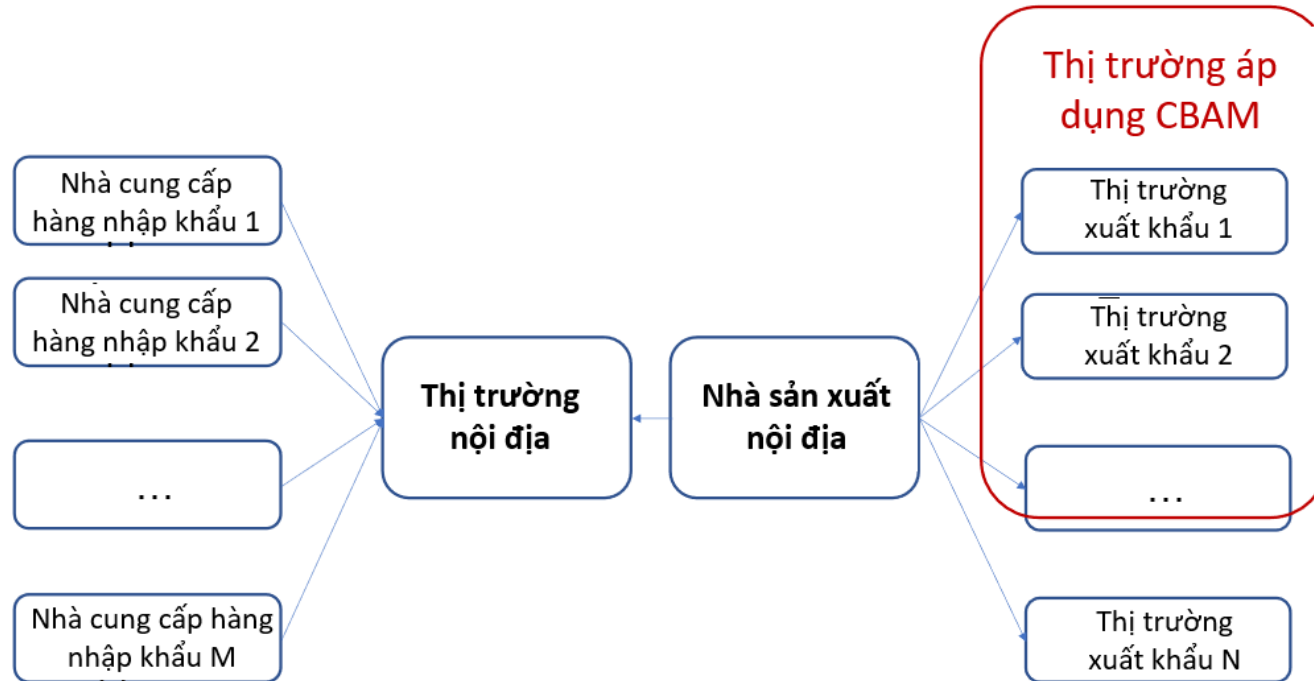
Mô hình CGE được xây dựng dựa trên bảng IO (Input/Output Table) của Việt Nam 2019

# Ước tính tác động của CBAM theo quy định của EU tại thời điểm 3/2023 đến các chỉ số kinh tế vĩ mô năm 2030

- Dấu “+” là tăng so với kịch bản phát triển kinh tế đặt ra theo Quy hoạch phát triển của Việt Nam (các điều kiện khác giữ nguyên trừ khi được ghi rõ); Dấu “-” nghĩa là giảm;
- Trong ngoặc vuông “[ ]” là khoảng tin cậy 95%, giá trị bên ngoài ngoặc là ước tính trung bình.

Chỉ số	CBAM
Thay đổi GDP (tỷ USD theo giá trị 2019)	-0,1 [-0,2; -0,0]
Thay đổi GDP (%)	Thay đổi dưới 0,1%
Thay đổi giá nguyên liệu hóa thạch trong nước (%)	Thay đổi dưới 0,1%
Thay đổi chỉ số việc làm (%)	Thay đổi dưới 0,1%
Thay đổi tỷ trọng xuất khẩu ròng trong GDP (%)	Thay đổi dưới 0,1%

# Đánh giá tác động của ngành: Xây dựng mô hình cho từng ngành



- Tập trung vào các ngành cụ thể
- Trực quan
- Không xét đến tác động lên các ngành khác, ví dụ các ngành không xuất khẩu hàng hóa trong khuôn khổ CBAM

Số lượng các nhà cung cấp hàng nhập khẩu và các thị trường xuất khẩu (đối tác thương mại) nằm trong khoảng 50 đến 85, tùy thuộc vào từng ngành.

# Ước tính tác động cho năm 2030 với quy định CBAM của EU tại thời điểm 3/2023

- Dấu “-” có nghĩa là giảm so với kịch bản xu hướng phát triển khi CBAM bắt đầu áp dụng năm 2026 (các điều kiện khác không thay đổi); Dấu “+” có nghĩa là tăng;
- Trong ngoặc vuông “[ ]” là khoảng tin cậy 95%, giá trị bên ngoài ngoặc là ước tính trung bình;
- -0,0 và +0,0 (nếu có) lần lượt thể hiện giá trị tăng giảm với giá trị tuyệt đối nhỏ hơn 0,05.

	Thép	Nhôm	Phân bón	Xi măng
<b>Thay đổi sản lượng (%)</b>	-0,8 [-1,7; -0,0]	-0,4 [-0,8; -0,0]	-0,0 [-0,0; -0,0]	-0,1 [-0,2; -0,0]
<b>Thay đổi giá trị xuất khẩu (%)</b>	-3,7 [-5,5; -0,4]	-4,3 [-5,7; -0,7]	-0,0 [-0,0; -0,0]	-0,6 [-0,8; -0,2]
<b>Thay đổi giá trị nhập khẩu (%)</b>	-0,3 [-1,3; +0,8]	-0,1 [-0,7; +0,4]	-0,0 [-0,0; +0,0]	-0,1 [-0,7; +0,1]
<b>Thay đổi mức phát thải (tr. tCO<sub>2</sub>)</b>	-1,0 [-2,0; -0,0]	-0,2 [-0,4; -0,0]	-0,0 [-0,0; -0,0]	-0,2 [-0,4; -0,0]



# Định giá các-bon: Lý do xem xét trong bối cảnh CBAM

- Cả CBAM và định giá các-bon tại Việt Nam đều hướng tới việc tạo một mức giá cho phát thải KNK. Định giá các-bon cũng là một cam kết của Việt Nam (dự kiến bắt đầu từ năm 2028)
- Nếu Việt Nam có định giá các bon, một phần tiền thuế doanh nghiệp xuất khẩu đáng lẽ phải trả cho EU sẽ được giữ lại ở Việt Nam

Không có giá các-bon ở Việt Nam

**CBAM = Giá các-bon ở EU**

Có giá các-bon ở Việt Nam

**CBAM**

**Giá các-bon ở  
Việt Nam**

- Điểm khác biệt chính: CBAM sẽ áp dụng cho một số mặt hàng xuất khẩu đi EU trong khi giá các-bon trong nước sẽ có phạm vi áp dụng rộng hơn.
- Chi phí các-bon ước tính: 11 USD/tCO<sub>2</sub> (Chi phí ước tính thấp nhất cho các biện pháp giảm phát thải trong NDC của Việt Nam)

# Ước tính tác động lên từng ngành vào năm 2030 khi áp dụng và không áp dụng định giá các-bon

## Thép

	CBAM	CBAM+Giá các-bon
Thay đổi sản lượng (%)	-0,8 [-1,7; -0,0]	-5,1 [-9,6; -0,4]
Chi phí phát thải (tỷ USD)		+1,2 [+1,1; +1,3]
Thay đổi lượng phát thải (Tr. tCO <sub>2</sub> )	-1,0 [-2,0; -0,0]	-5,5 [-10,2; -0,4]

## Nhôm

	CBAM	CBAM+Giá các-bon
Thay đổi sản lượng (%)	-0,4 [-0,8; -0,0]	-9,3 [-18,1; -1,0]
Chi phí phát thải (tỷ USD)		+0,6 [+0,5; +0,6]
Thay đổi lượng phát thải (Tr. tCO <sub>2</sub> )	-0,2 [-0,4; -0,0]	-4,6 [-8,4; -0,5]

## Phân bón

	CBAM	CBAM+Giá các-bon
Thay đổi sản lượng (%)	-0,0 [-0,0; -0,0]	-8,1 [-14,4; -1,0]
Chi phí phát thải (tỷ USD)		+0,2 [+0,2; +0,2]
Thay đổi lượng phát thải (Tr. tCO <sub>2</sub> )	-0,0 [-0,0; -0,0]	-1,6 [-2,7; -0,2]

## Xi măng

	CBAM	CBAM+Giá các-bon
Thay đổi sản lượng (%)	-0,1 [-0,2; -0,0]	-32,9 [-70,6; -3,3]
Chi phí phát thải (tỷ USD)		+1,8 [+1,3; +2,2]
Thay đổi lượng phát thải (Tr. tCO <sub>2</sub> )	-0,2 [-0,4; -0,0]	-48,5 [-86,0; -6,6]

# Ước tính tác động với NDC của Việt Nam năm 2030

Lượng phát thải ước tính từ nhiên liệu hóa thạch (triệu tấn CO<sub>2</sub>)

(Trong ngoặc vuông “[ ]” là khoảng tin cậy 95%, giá trị bên ngoài ngoặc là giá trị ước tính trung bình)

Kịch bản		2030
Cơ cấu nền kinh tế và cường phát thải duy trì như năm 2019 theo số liệu của IEA		538 [502, 577]
Có CBAM, không có định giá carbon	Cường độ phát thải các ngành giữ nguyên	538 [502, 577]
	Cường độ phát thải các ngành giảm theo chiến lược tăng trưởng xanh	517 [482, 553]
CBAM và định giá carbon	Cường độ phát thải các ngành giữ nguyên	396 [357, 449]
	Cường độ phát thải các ngành giảm theo chiến lược tăng trưởng xanh	379 [339, 430]

Mục tiêu cho ngành năng lượng năm 2030 NDC: 457 triệu tCO<sub>2td</sub> (Quyết định 896/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ).

# Chuyển dịch năng lượng

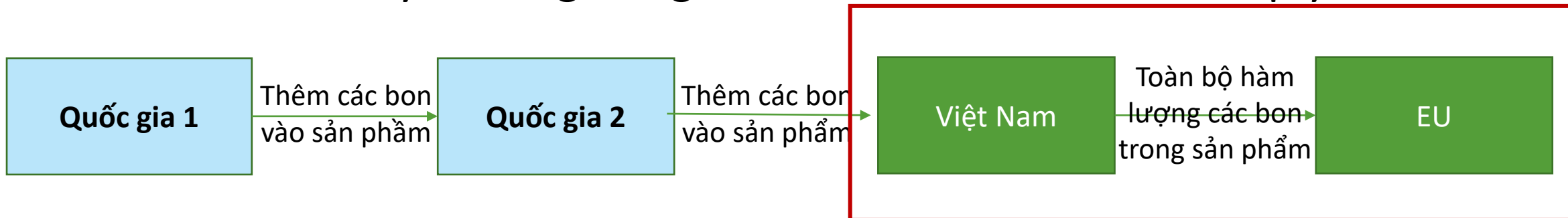
- Quá trình chuyển dịch năng lượng trong ngành điện cho thấy cường độ phát thải trên kWh sẽ giảm khoảng 13% từ năm 2019 đến 2030.
- Ước tính quá trình chuyển dịch năng lượng sẽ làm tăng/giảm GDP bao nhiêu?

Đơn vị: triệu USD (giá trị 2019)	Định giá các-bon từ 2028 và CBAM từ 2026
2026	-1 CI [-2, -1]
2027	-3 CI [-4, -1]
2028	+8 CI [+6, +12]
2029	+13 CI [+9, +18]
2030	+18 CI [+12, +25]
2031	+24 CI [+17, +33]
2032	+32 CI [+22, +43]
2033	+41 CI [+29, +55]
2034	+51 CI [+36, +70]
2035	+64 CI [+45, +86]
<b>Tổng giai đoạn 2026-2035</b>	<b>+248 CI [+173, +336]</b>

\*CI: khoảng tin cậy

# Một số kênh tác động khác cần theo dõi chặt chẽ

1. Trách nhiệm truy xuất nguồn gốc các bon hiện chưa được quy định rõ



2. Phạm vi tác động của CBAM có thể mở rộng ra các hàng hóa khác trong và ngoài EU's ETS (ví dụ: gỗ, giấy)

3. Các quốc gia khác có thể áp dụng các cơ chế tương tự CBAM (sẽ chi tiết hơn trong bài trình bày tiếp sau)

# Cân nhắc chính sách

1. Nhiều doanh nghiệp được khảo sát chưa quan ngại về ảnh hưởng của CBAM. Tình hình này có thể thay đổi nếu CBAM được mở rộng. Các tác động phi kinh tế (hành chính, báo cáo...) có thể đáng kể hơn. Cần theo dõi chặt chẽ và chuẩn bị cho các tình huống.
2. Đàm phán, đối thoại và làm rõ các quy định là rất quan trọng để giảm thiểu các tác động tiêu cực, ví dụ: “chiều sâu” của phạm vi CBAM đến đâu, khả năng mở rộng CBAM sang các mặt hàng xuất khẩu khác của Việt Nam (gốm sứ, bột giấy và giấy...); phản ứng của các quốc gia ngoài EU (một số có thể áp dụng CBAM giống EU).
3. CBAM tạo ra động lực trực tiếp giảm phát thải cho các nhà sản xuất bị ảnh hưởng. Việc này sẽ có tác động lớn hơn nếu có thể mở rộng sang các ngành khác, phù hợp với chiến lược Tăng trưởng xanh của Việt Nam.
4. Định giá các bon đáng được cân nhắc hơn trong bối cảnh EU áp dụng CBAM: (i) đây là một phần cam kết của Việt Nam trong NDC (ii) định giá các bon sẽ hỗ trợ Việt Nam đạt được các mục tiêu giảm phát thải.

Xin cảm ơn!

---

